TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 20/6/2025
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu
Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến; Ông Nguyễn Minh Tân.
- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST - HNGĐ ngày 02/6/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Vũ Quý Đ, sinh năm 1984. Số căn cước: 030084025592; ngày cấp: 18/7/2024; Nơi cấp: Bộ C. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Chị Lộc Thị T, sinh năm 1988. Số căn cước công dân: 020188000185; ngày cấp: 13/5/2024; Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. (Vắng mặt).

Đều ĐKHKTT và trú tại: Thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

***Người làm chứng:**

- Ông Vũ Quang K, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Vũ Quý Đ trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Anh và chị Lộc Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã Q, thành phố H) vào ngày 03/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Khoảng năm 2015 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Lạng Sơn sinh sống sau đó đến năm 2017 lại quay về xã

Q, thành phố H sinh sống cùng anh. Năm 2018 chị Tình tự Ý bỏ đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài đến cuối năm 2024 mới về nước, khi chị T về nước vợ chồng tuy vẫn sống cùng nhà nhưng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau, mỗi người đều có công việc, cuộc sống riêng. Vợ chồng sống ly thân khoảng 5 – 6 năm nay. Anh cũng đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- **Về quan hệ con chung**: Anh Đ xác định anh và chị T có 02 con chung: Vũ Trà G, sinh ngày 13/8/2012 và Vũ Kim S, sinh ngày 15/8/2014. Ly hôn anh xin nhận nuôi con Vũ Kim S, để chị T nuôi con Vũ Trà G. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang làm công nhân viễn thông có mức thu nhập 8.000.000đ/tháng đủ khả năng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình**: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Lộc Thị T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã Q, thành phố H). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn do anh Đ chơi bời trai gái, thường xuyên đánh đập vợ con. Cuối năm 2012 vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, anh Đ đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ nên bố mẹ chị xuống đón chị về Lạng Sơn ở. Chị về ở với bố mẹ đẻ được 01 thời gian thì anh Đ có lên đón chị về sinh sống, chị về ở với anh Đ được 07 tháng thì anh Đ lại đánh đập đuổi chị vì vậy đến năm 2013 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, đến năm 2016 anh Đ lại lên đón chị về. Sau đó vợ chồng về xây nhà ở thì bố mẹ chị có cho 30 triệu để xây nhà, chị đi làm công ty thì anh Đ bắt chị nghỉ ở nhà phụ vữa để xây nhà. Sau khi xây nhà xong đến năm 2017 chị đi làm công ty thì anh Đ bắt chị đi làm phải đưa hết tiền lương cho anh Đ để trả nợ tiền nhà. Năm 2018, chị đi nước ngoài đến đầu năm 2024 thì về nước, khi chị đi nước ngoài có bàn bạc với anh Đ, và có nhờ ông bà ngoại chăm sóc con gái lớn, còn con trai chị cũng có gửi ông bà ngoại nhưng sau đó anh Đ lên đón con trai về ở cùng. Trong thời gian chị đi nước ngoài vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau không liên lạc với nhau, anh Đ chơi bời trai gái. Sau khi chị về nước vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, anh Đ đi làm không về nhà, nhiều khi còn dẫn người tình về nhà ở nhà của vợ chồng chị. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

- **Về quan hệ con chung:** Chị T xác định chị và anh Đ có 02 con chung là Vũ Trà G, sinh ngày 13/8/2012 và Vũ Kim S, sinh ngày 15/8/2014. Ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- **Về quan hệ tài sản:** Vợ chồng có 01 nhà mái bằng 01 tầng xây trên đất của bố mẹ đẻ anh Đ, xây dựng năm 2014. Nguồn tiền xây nhà là do tiền chung của vợ chồng, bố mẹ chồng cho và bố mẹ đẻ chị cho vợ chồng vay 30.000.000đ. Chị và anh Đ sẽ tự thống nhất về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Vũ Văn K1 (bố đẻ anh Đ) trình bày:

Anh Đ và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng gia

đình ông. Quá trình chung sống chị T có đi nước ngoài đến năm 2024 thì về nước. Sau khi chị T về nước vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ chơi bời trai gái về nói không còn tình cảm với chị T. Thời gian gần đây anh Đ đi làm thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng không có sự chia sẻ gắn bó với nhau. Gia đình ông cũng đã họp bàn gia đình khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn chị T. Quan điểm của ông K1 đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Xác minh với ông Trần Nam D (trưởng khu) H, xã Q, thành phố H trình bày:

Anh Đ và chị T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn H, xã Q, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ, chị T về chung sống cùng gia đình anh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thế nào thì khu không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn anh chị không nhờ khu hòa giải. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Nguyên đơn anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T; Anh Đ xin nhận nuôi con Vũ Kim S, sinh ngày 15/8/2014 để chị T nuôi con Vũ Trà G, sinh ngày 13/8/2012 và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Vũ Quý Đ ly hôn chị Lộc Thị T. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Vũ Quý Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Vũ Kim S, sinh ngày 15/8/2014; chị Lộc Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Vũ Trà G, sinh ngày 13/8/2012 kể từ tháng 6 năm 2025 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh Đ, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Anh Vũ Quý Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Lộc Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Vũ Quý Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Lộc Thị T trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T tại địa chỉ nơi cư trú nhưng chị T chỉ đến Tòa án trình bày quan điểm một lần sau đó không đến Tòa án tham gia tố tụng. Chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người làm chứng là ông K1 vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quý Đ và chị Lộc Thị T kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn theo anh Đ trình bày do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ với nhau về mọi mặt cuộc sống. Bản thân chị T cũng xác định vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ chơi bời trai gái về đánh đập chị, đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ, năm 2024 sau khi chị đi nước ngoài về nước vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, anh Đ đi làm không về nhà, nhiều khi còn dẫn người tình về nhà ở nhà của vợ chồng chị. Gia đình anh Đ và chị T đã khuyên bảo vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ xin ly hôn tại biên bản lấy lời khai chị T đồng ý. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử anh Vũ Quý Đ ly hôn chị Lộc Thị T là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị T đều xác định có 02 con chung là Vũ Trà G, sinh ngày 13/8/2012 và Vũ Kim S, sinh ngày 15/8/2014. Ly hôn anh Đ xin nhận nuôi con Vũ Kim S và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Chị T xin nhận nuôi cả hai con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu Vũ Trà G và cháu Vũ Kim S đều trên 7 tuổi, cháu S có quan điểm xin ở với bố còn cháu G có quan điểm xin ở với mẹ. Xét về tính chất công việc anh Đ hiện đi làm công nhân viễn thông có mức thu nhập 8.000.000đ/tháng. Chị T hiện đi làm công nhân và cũng có thu nhập. Do vậy để đảm bảo nguyện vọng và quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Kim S cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Trà G cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2025 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Do anh Đ, chị T mỗi người nuôi 01 con nên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh Đ và chị T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án hôn nhân gia đình khác.

[2.4]. Về án phí: Anh Vũ Quý Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử anh Vũ Quý Đ ly hôn với chị Lộc Thị T.

2. **Về quan hệ con chung**: Giao cho anh Vũ Quý Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Vũ Kim S, sinh ngày 15/8/2014; Chị Lộc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Vũ Trà G, sinh ngày 13/8/2012 kể từ tháng 6 năm 2025 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh Đ, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. **Về án phí**: Anh Vũ Quý Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0001202 ngày 12/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND xã Quyết Thắng, thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu